TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 53/2022/QĐST-DS	*B, ngày 28 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 51/2022/TLST-DSST ngày 01 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm: 1970
  Chị Nguyễn Thị O, sinh năm: 1975

Đều trú tại: Số nhà, đường, khu phố L, TT L, huyện Lang Chánh, Thanh Hóa;

- Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm: 1969
  Anh Hà Văn H, sinh năm: 1968

Đều trú tại: Thôn H, xã T, huyện B, Thanh Hóa

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh H, chị T xác nhận còn nợ anh N, chị O tổng số tiền gốc vay lần 1 vào ngày 05/12/2015 vay 45.400.000đ, lần 2 vào ngày 05/02/2017, vay 42.000.000đ, vay lần 3 vào ngày 05/02/2018 vay 75.000.000đ. Tổng cộng 03 lần vay là 162.400.000đ (Một trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền gốc Lãi hai bên thỏa thuận 03 lần vay là 1,5%/ tháng. Thời hạn trả nợ gốc vào tháng 02/2022.

Các bên đương sự thỏa thuận số tiền vay 45.400.000đ, ngày 05/12/2015 lãi xuất sẽ được tính lại là 1,25%/ tháng cho phù hợp với quy định pháp luật, số tiền tính lãi của 03 lần vay chỉ tính đến ngày 05/7/2022 và xét thấy kinh tế gia đình anh H, chị T khó khăn nên anh N rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi (số tiền 47.887.000đ (Bốn mươi bảy triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng) và yêu cầu anh H, chị T trả tổng số tiền lãi sau khi trừ đi số tiền anh H, chị T đã trả lãi 18.887.000đ (Mười tám triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng) còn lại 87.600.000đ (Tám mươi bảy triệu sáu trăm nghìn) cộng số tiền gốc 162.400.000đ (Một trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng) Tổng cộng anh H, chị T phải trả cho anh N, chị O số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật anh N, chị Ocó đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H, chị T chưa thi hành án, hàng tháng anh H, chị Tcòn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 147 BLTTDS; khoản 6 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bên thỏa thuận anh H, chị T liên đới chịu 6.250.500đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 7.447.000đ (Bảy triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) anh đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu số AA/2021/0008676 ngày 01/8/2022.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Nga

nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Hằng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) chị đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu số AA/2021/0008611 ngày 18/7/2022.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Bá Thước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Nga